

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục 21 dự án thu hồi đất có chuyển mục đích sử dụng 63,03 ha đất trồng lúa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Có 20 dự án thu hồi đất có chuyển mục đích sử dụng 62,16 ha đất trồng lúa.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Có 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng 0,87 ha đất trồng lúa.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Định Hóa; đưa 14 dự án trên địa bàn thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục III và Phụ lục IV kèm theo)*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

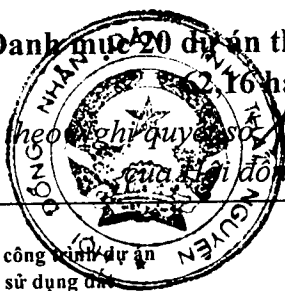
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**Danh mục 20 dự án thu hồi đất có chuyển mục đích sử dụng  
16 ha đất trồng lúa năm 2021**

(Kèm theo **Quyết định số 180/QĐ-HĐND** ngày **14** tháng 11 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



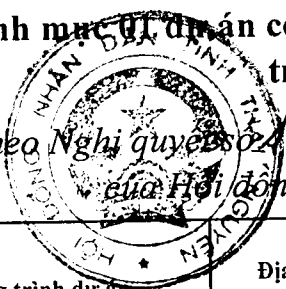
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG</b>		<b>102,40</b>	<b>62,16</b>			<b>40,24</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>		<b>6,20</b>	<b>0,87</b>			<b>5,33</b>
1	Khu đô thị phường Tân Lập - phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	6,20	0,87			5,33
<b>II</b>	<b>THỊ XÃ PHỔ YÊN</b>		<b>85,25</b>	<b>58,35</b>			<b>26,90</b>
1	Khu tái định cư Đồng Tiến (khu số 1)	Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên	3,05	2,82			0,23
2	Khu tái định cư Đồng Tiến (khu số 2)	Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên	3,30	2,90			0,40
3	Khu tái định cư Phúc Thuận 1	Xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên	3,02	2,30			0,72
4	Khu tái định cư Phúc Thuận 2	Xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên	3,60	3,03			0,57
5	Khu tái định cư Thành Công 1	Xã Thành Công, thị xã Phổ Yên	2,66	1,81			0,85
6	Khu tái định cư Thành Công 2	Xã Thành Công, thị xã Phổ Yên	4,20	2,37			1,83
7	Khu tái định cư Thành Công 3	Xã Thành Công, thị xã Phổ Yên	1,60	1,42			0,18
8	Khu tái định cư Vạn Phái	Xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên	3,00	1,35			1,65
9	Khu tái định cư Nam Tiến	Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	5,90	3,19			2,71
10	Khu tái định cư Tân Hương	Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	3,63	2,94			0,69
11	Khu tái định cư xóm Thuận Đức, xã Minh Đức	Xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên	4,98	4,24			0,74
12	Khu tái định cư xóm Hạnh và xóm Công Thượng, xã Hồng Tiến	Xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên	2,56	1,57			0,99
13	Khu tái định cư Tân Thịnh, xã Tân Hương (khu số 1)	Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	9,80	6,20			3,60
14	Khu tái định cư Tân Thịnh, xã Tân Hương (khu số 2)	Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	9,60	5,30			4,30
15	Khu tái định cư Tân Thịnh, xã Tân Hương (khu số 3)	Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	8,00	5,00			3,00
16	Khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 đi Khu dân cư Tân Tiến và các dự án trên địa bàn (hạng mục: san nền)	Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	0,30	0,30			
17	Đường kết nối từ Quảng trường đến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc (giai đoạn 1)	Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	1,90	1,10			0,80
		Xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	7,96	6,21			1,75
18	Đường kết nối từ nút giao Yên Bình đến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	4,70	3,20			1,50
		Xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên	1,50	1,10			0,40

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
III	HUYỆN ĐẠI TỪ		10,95	2,94			8,01
1	Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Đại Từ	Xã Ký Phú, huyện Đại Từ	3,25	2,00			1,25
		Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	6,30	0,74			5,56
		Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	1,40	0,20			1,20

## Phụ lục II

Danh mục dự án có chuyên mục đích sử dụng 0,87 ha đất  
trồng lúa năm 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 480/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG		6,18	0,87			5,31
I	THỊ XÃ PHỔ YÊN		6,18	0,87			5,31
1	Nhà máy gạch Hoàng Gia Đông Cao	Xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên	6,18	0,87			5,31



**Phụ lục III**

**Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của 01 dự án trên địa bàn huyện Định Hóa**



Nghị quyết số *1870* /NQ-HĐND ngày *04* tháng 11 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Tại phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Nhóm đất nông nghiệp		Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng					Nhóm đất nông nghiệp		Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
				Tổng	Trong đó: Đất trồng lúa							Tổng	Trong đó: Đất trồng lúa		
I	HUYỆN ĐỊNH HÓA							IV	HUYỆN ĐỊNH HÓA						
1	Sửa chữa đột xuất xử lý vị trí mất an toàn giao thông tại Km34-Km35+200 Quốc lộ 3C (Đèo So)	Xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa	2,60	2,60	0,60			15	Sửa chữa đột xuất xử lý vị trí mất an toàn giao thông tại Km34-Km35+200 Quốc lộ 3C (Đèo So)	Xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa	4,83	3,72	0,03	3,69	1,11



Phụ lục IV

Danh mục 14 dự án trên địa bàn thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên đưa ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Nhóm đất nông nghiệp		Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng
				Tổng	Trong đó: Đất trồng lúa		
	<b>TỔNG</b>		<b>77,90</b>	<b>70,32</b>	<b>36,14</b>	<b>7,58</b>	
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG</b>		<b>50,90</b>	<b>45,32</b>	<b>29,14</b>	<b>5,58</b>	
1	Khu đô thị dọc Sông Công	Phường Thắng Lợi, phường Mô Chè, phường Lương Châu, thành phố Sông Công	5,00	5,00	5,00		
2	Khu đô thị phường Bách Quang	Phường Bách Quang, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	15,00	13,00	7,50	2,00	
3	Khu đô thị phường Phố Cò	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	5,00	4,50	2,00	0,50	
4	Khu đô thị đường Thống Nhất, phường Phố Cò	Phường Phố Cò, thành phố Sông Công	5,00	4,00	2,50	1,00	
5	Khu đô thị hoàn vốn đường vành đai Khu công nghiệp Sông Công 2	Xã Bá Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công	10,00	9,50	8,00	0,50	
6	Xây dựng Khách sạn nhà hàng kinh doanh ẩm thực thành phố Sông Công của hộ ông Đỗ Xuân Vinh	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,50	0,48	0,20	0,02	
7	Điểm dân cư số 1, xóm Bờ Lỡ, xã Vinh Sơn (đấu giá đất Thương mại - Dịch vụ)	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,16			0,16	
8	Cửa hàng xăng dầu Cải Đan	Phường Bách Quang, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	0,30	0,30	0,15		
9	Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất phân bón hữu cơ Việt Mỹ	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	0,99	0,99	0,99		
10	Đường Cách Mạng Tháng 10	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,00	4,00	2,00	1,00	
11	Đường nội thị, đoạn từ cầu Du Tân đến nút giao đường Trần Phú	Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công	2,00	1,60	0,60	0,40	
12	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Vinh Sơn	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	0,30	0,30	0,20		
13	Nghĩa trang Vinh Sơn	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	1,65	1,65			
<b>II</b>	<b>THỊ XÃ PHỔ YÊN</b>		<b>27,00</b>	<b>25,00</b>	<b>7,00</b>	<b>2,00</b>	
1	Khu công nghiệp Nam Phổ Yên (trước đây là Khu công nghiệp Trung Thành)	Xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên	27,00	25,00	7,00	2,00	

